TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **352** /2021/KDTM-PT
Ngày: 14-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phong

Bà Vũ Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1991/2020/KDTM-ST ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1230/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH P

Địa chỉ: 718/7 Quốc lộ a, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T (theo giấy ủy quyền số 10326/UQ/2021 ngày 01/4/2021)

Bị đơn: Công ty Cổ phần S

Địa chỉ: 46/5 đường C, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện ủy quyền: Bà Đỗ Thị Kim H (theo giấy ủy quyền số 13/2020/UQ/BSE ngày 02/6/2020)

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần S

(Các đương sự có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/04/2020, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn là Công ty TNHH P, có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thu N trình bày:

Ngày 04/09/2018, Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P) và Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty S) đã ký hợp đồng kinh tế số 08188/HĐP-BS-SM6 về việc mua tủ trung thế và máy biến áp. Giá trị hợp đồng là 13.125.035.000 đồng.

Ngày 13/08/2019, hai bên có biên bản làm việc xác nhận Công ty S còn nợ Công ty P số tiền 8.837.532.900 đồng và sẽ thanh toán theo 04 đợt. Hạn chót là trước ngày 15/10/2019.

Ngày 13/12/2019, Công ty S có bản xác nhận Công ty S còn nợ Công ty P số tiền 8.837.532.000 đồng.

Đến ngày 22/01/2020, Công ty S trả thêm 1.000.000.000 đồng. Số tiền còn chưa thanh toán là 7.837.532.900 đồng.

Hiện nay đã quá kỳ hạn thanh toán nhưng Công ty S vẫn chưa thanh toán số tiền còn thiếu cho Công ty P, cứ hẹn nhiều lần, không có thiện chí và cũng không thực hiện việc trả nợ.

Do đó, Công ty P khởi kiện yêu cầu Công ty S phải trả số tiền nợ tổng cộng là 8.553.099.653 đồng, trong đó:

+ Số tiền còn thiếu theo hợp đồng kinh tế số 08188/HĐP-BS-SM6 là 7.837.532.900 đồng,

+ Tiền lãi do chậm thanh toán, mức lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 16/10/2019 đến ngày 22/09/2020 tính tròn 11 tháng là 715.566.753 đồng.

Công ty P yêu cầu Công ty S trả số tiền nợ tính đến ngày 22/09/2020 là 8.533.099.653 đồng làm một lần ngay khi có bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Theo bản án tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn là Công ty Cổ phần S, có người đại diện theo ủy quyền là bà Đỗ Thị Kim H trình bày:

Ngày 04/09/2018, Công ty S và Công ty P đã ký hợp đồng kinh tế sô 08188/HĐP-BS-SM6. Ngày 13/12/2019, Công ty S có bản xác nhận công nợ, xác nhận còn nợ Công ty P số tiền 8.837.532.900 đồng.

Tuy nhiên do khó khăn trong thu hồi công nợ nên đến ngày 22/01/2020, Công ty S đã trả thêm 1.000.000.000 đồng cho Công ty P. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 7.837.532.900 đồng. Do ảnh hưởng chung của dịch bệnh nên hiện nay Công ty S đang gặp khó khăn trong kinh doanh, thu hồi nợ từ đối tác đã làm ảnh hưởng đến việc trả nợ của Công ty P.

Công ty S đề nghị Công ty P miễn tiền phạt do chậm thanh toán và giảm 50% đối với tiền lãi do chậm thanh toán. Đối với tiền nợ gốc là 7.837.532.900 đồng sẽ thanh toán cho Công ty P trước ngày 31/12/2020.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là Công ty TNHH P, có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thu N trình bày:

Thừa nhận, trong quá trình chờ tòa xét xử phía bị đơn Công ty S đã trả thêm 02 lần nợ cho nguyên đơn với số tiền 1.700.000.000 đồng vào các ngày như sau: Vào ngày 06/11/2020 trả 200.000.000 đồng, vào ngày 27/11/2020 trả 1.500.000.000 đồng. Vì vậy, Công ty S còn nợ lại Công ty P số tiền gốc là 6.137.532.900 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/10/2019 đến ngày 04/12/2020 là 860.692.757 đồng. Cho nên tổng số tiền gốc và lãi là 6.998.224.757 đồng. Về tiền bồi thường do chậm thanh toán là 672.022.632 đồng phía nguyên đơn đồng ý không yêu cầu.

Tổng số tiền gốc và lãi tại thời điểm xét xử là 6.988.224.757 đồng, nguyên đơn Công ty P yêu cầu phía bị đơn Công ty S phải trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là Công ty CP S, có người đại diện ủy quyền là bà Đỗ Thị Kim H trình bày:

Công ty S thừa nhận còn nợ lại Công ty P số tiền gốc là 6.137.532.900 đồng. Số tiền này phía bị đơn xin được trả cho nguyên đơn làm 04 lần như sau:

+ Lần 1: Thanh toán 1.500.000.000 đồng trước ngày 31/12/2020

+ Lần 2: Thanh toán 1.500.000.000 đồng trước ngày 28/02/2021

+ Lần 3: Thanh toán 1.500.000.000 đồng trước ngày 30/04/2021

+ Lần 4: Thanh toán 1.637.532.900 đồng trước ngày 30/06/2021

Ngoài ra, do tình hình tài chính khó khăn vì ảnh hưởng của dịch bệnh trong năm 2020. Công ty S xin Công ty P bỏ lãi phạt và không tính lãi chậm trả thanh toán cho số tiền nợ trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn Công ty P là buộc Công ty S phải trả số tiền gốc và lãi là 6.998.224.757 đồng làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Với nội dung trên, Tại Bản án sơ thẩm số 1991/2020/KDTM-ST ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ Điều 292; Điều 306; Điều 317 Luật thương mại 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn phải trả lại số tiền tổng cộng là 6.998.224.757 đồng, bao gồm nợ lãi tính từ ngày 16/10/2019 đến ngày 04/12/2020 là 860.692.757 đồng.

Buộc Công ty Cổ phần S phải trả cho Công ty TNHH P số tiền 6.998.224.757 đồng, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Công ty Cổ phần S còn phải chịu khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần S phải trả là 114.998.225 đồng.

Hoàn lại số tiền cho Công ty TNHH P số tiền tạm ứng án phí 58.385.000 đồng đã đóng theo biên lai thu số 0087516 ngày 14/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 12 năm 2020, bị đơn - Công ty Cổ phần S có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo một phần bản án số 1991/2020/KDTM-ST ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc Công ty S phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán cho Công ty TNHH P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đồng xác nhận, sau khi xét xử sơ thẩm Công ty S đã thanh toán thêm cho Công ty P 1.500.000.000 đồng nợ gốc và các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần S đồng ý thanh toán cho Công ty TNHH P số tiền 5.498.224.000 đồng (năm tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn đồng) bao gồm: tiền nợ gốc 4.637.532.000 đồng và tiền nợ lãi 860.692.000 đồng của Hợp đồng kinh tế số 08188/HĐP-BS-SM6 ký ngày 04/9/2018, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí: Hai bên thỏa thuận án phí được giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:* Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như ý kiến trình bày của các đương sự và phát biểu của kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Về án phí: Công ty Cổ phần S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 24, Điều 306 Luật Thương mại 2005;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 8 và Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Sửa Bản án sơ thẩm số 1991/2020/KDTM-ST ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh như sau:

1. Công nhận sự thoả thuận giữa nguyên đơn là Công ty TNHH P và bị đơn là Công ty Cổ phần S.

Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Công ty Cổ phần S đồng ý thanh toán cho Công ty TNHH P số tiền 5.498.224.000 đồng (năm tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn đồng) bao gồm: tiền nợ gốc 4.637.532.000 đồng và tiền nợ lãi 860.692.000 đồng của Hợp đồng kinh tế số 08188/HĐP-BS-SM6 ký ngày 04/9/2018, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm :

- Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 113.450.000 đồng (một trăm mười ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) Công ty Cổ phần S chịu.

Công ty TNHH P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.385.000 đồng (năm mươi tám triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng) đã đóng theo biên lai thu số 0087516 ngày 14/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

3.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty Cổ phần S phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Được cấn trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0089000 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự ;
- Lưu: VP, hồ sơ.

1 000102 371212

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Chinh